ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 200 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 27 tháng 7 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ tỉnh Lạng Sơn năm 2026

Thực hiện Công văn số 3233/BKHCN-KHTC ngày 18/7/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST&CĐS) năm 2026; UBND tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch KHCN, ĐMST&CĐS và dự toán ngân sách KH&CN tỉnh Lạng Sơn năm 2026 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHCN, ĐMST&CĐS GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHCN, ĐMST&CĐS GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KHCN,ĐMST&CĐS

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Lạng Sơn đã chủ động trong việc ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển KHCN,ĐMST&CĐS trên địa bàn tỉnh, như:

- Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 88-CTr/TU ngày 19/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 184-KH/TU ngày 20/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST&CĐS quốc gia;

- Quyết định số 2260-QĐ/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST&CĐS tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 230-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 242-KH/TU ngày 05/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST&CĐS;

- Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ CĐS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025;

- Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

- Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về sử dụng Nền tảng cửa khẩu số tỉnh Lạng Sơn

- Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án triển khai chiến lược SHTT đến năm 2030;

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh về hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về phát triển thị trường KH&CN tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025;

- Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 88-CTr/TU ngày 19/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 17/9/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 184-KH/TU ngày 20/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án CĐS tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 145/KH-UBND[1] ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST&CĐS quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST, CĐS và Đề án 06 tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 14/6/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST& CĐS.

Đồng thời hàng năm địa phương ban hành các văn bản: Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh hàng năm; Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST tỉnh hàng năm; Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN hàng năm; Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn.

Nội dung các văn bản bao trùm toàn diện các khía cạnh như: phát triển thị trường KH&CN, SHTT, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, phát triển công nghệ sinh học, phát triển chính quyền số, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ CĐS, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phổ cập kỹ năng số cho người dân. Tỉnh cũng đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc, ban hành các kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, tạo cơ sở pháp lý và tổ chức thuận lợi cho việc triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KHCN, ĐMST&CĐS

2.1. Hoạt động KHCN

[1] Thay thế Kế hoạch 56/KH-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 150-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CĐS quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2.1.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ thuộc Chương trình đề tài độc lập cấp quốc gia và Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025. Các nhiệm vụ được tổ chức thực hiện đúng nội dung, tiến độ phê duyệt.

Đồng thời, tỉnh đã triển khai 126 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, trong đó: lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn 47 đề tài tập trung nghiên cứu nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi chủ lực (hồng, sở, đào chuông, trà hoa vàng, lan kim tuyến...); bảo tồn nguồn gen; phát triển sản phẩm OCOP; lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn 53 đề tài nghiên cứu lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, phòng chống tệ nạn xã hội, xây dựng Đảng, quốc phòng - an ninh vùng đặc thù; lĩnh vực y dược 14 đề tài ứng dụng kỹ thuật mới nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, bảo tồn và phát triển nguồn gen cây dược liệu; lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ 12 đề tài tập trung đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất - chất lượng sản phẩm; xây dựng mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm, cải tiến thiết bị sau thu hoạch. Các đề tài có tính ứng dụng cao, từng bước đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao KH&CN vào sản xuất và đời sống. Công tác ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất được đẩy mạnh, đặc biệt trong nông nghiệp với hàng trăm mô hình triển khai, hàng nghìn lượt nông dân được tập huấn, nhiều hội thảo được tổ chức, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực. Các kết quả nghiên cứu và mô hình ứng dụng đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi tư duy sản xuất, cải thiện đời sống Nhân dân.

Bên cạnh đó, việc triển khai các chính sách khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.1.2. Hoạt động quản lý công nghệ

Tham gia thẩm định, cho ý kiến kịp thời về công nghệ đối với các dự án đầu tư, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng thành tựu KH&CN, ngăn chặn công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Triển khai "Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài đến năm 2030"; tổ chức phổ biến chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, làm chủ và đổi mới công nghệ; hỗ trợ tham gia các sự kiện kết nối công nghệ toàn quốc.

Đã cấp 04 Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh tổ chức KH&CN, 02 Giấy chứng nhận tổ chức KH&CN, 01 Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN; theo dõi hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức KH&CN trên địa bàn.

Tập trung triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành như: nền tảng trợ lý ảo, cửa khẩu số, Trung tâm điều hành thông minh (IOC), hệ thống cảnh báo mất rừng, phát hiện sớm cháy rừng, ứng dụng bản đồ số, công nghệ đám mây...

Triển khai Chiến lược phát triển và ứng dụng KH&CN vũ trụ đến năm 2030, tổ chức tập huấn giới thiệu các giải pháp công nghệ vũ trụ, trí tuệ nhân tạo phục vụ y tế, quản lý đô thị, nông lâm nghiệp, tài nguyên - môi trường và chăm sóc sức khỏe từ xa.

2.2. Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp KH&CN

2.2.1. Đổi mới sáng tạo: triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC), ứng dụng quản lý văn bản điện tử VNPT-IOffice, chữ ký số cho công chức và giáo viên; hơn 20.000 sản phẩm nông sản được đưa lên sàn thương mại điện tử như Postmart, Voso, tạo đầu ra ổn định cho nông dân; Cổng thông tin du lịch Lang Son Tourism, số hóa 3D các di tích, mã QR thuyết minh tự động bằng 3 ngôn ngữ; thành lập và hỗ trợ hơn 1.500 doanh nghiệp công nghệ số (mục tiêu 4.000 doanh nghiệp vào năm 2030)[2].

2.2.2 Phát triển thị trường công nghệ: đẩy mạnh tuyên truyền các cơ chế, chính sách, chương trình khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ nhằm hình thành, phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh. Quan tâm tư vấn hướng dẫn hình thành doanh nghiệp KH&CN; hướng dẫn giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện thương mại hóa các kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển nguồn cung và nguồn cầu của thị trường KH&CN. Hiện nay Lạng Sơn chưa có các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN như sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ.

Kết nối hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học nhằm nghiên cứu thúc đẩy ứng dụng các công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo,... trên các lĩnh vực như: đề xuất ứng dụng công nghệ vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh... Tổ chức khảo sát, nắm bắt nhu cầu chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kết nối chuyển giao công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất,... Giới thiệu các công nghệ tiên tiến của nước ngoài như công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt của Belarus đến các doanh nghiệp xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

2.2.3. Khởi nghiệp sáng tạo

Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn đoạn 2021 - 2025 đã tập trung triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) theo mục tiêu đề ra, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Cụ thể: duy trì và vận hành hiệu quả Trang thông tin KNĐMST tỉnh Lạng Sơn, kết nối với Cổng KNĐMST quốc gia, kịp thời đăng tải các chính sách, thông tin KHCN, SHTT phục vụ hoạt động khởi KNĐMST. Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động KNĐMST được triển khai thông qua việc thành lập và đưa vào hoạt động Khu

[2] Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

làm việc chung hỗ trợ KNĐMST bố trí không gian, địa điểm làm việc, thiết bị, tư vấn pháp lý, kết nối chuyên gia đồng hành cùng các dự án khởi nghiệp phát triển sản phẩm, tiếp cận thị trường. Tỉnh duy trì tổ chức cuộc thi KNĐMST hằng năm, thu hút hàng trăm ý tưởng, dự án tham gia; nhiều mô hình tiêu biểu được hỗ trợ phát triển và đạt giải cấp khu vực, quốc gia. Các sở, ngành, đoàn thể lồng ghép tổ chức các ngày hội khởi nghiệp, góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác khởi nghiệp, đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương. Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho hệ sinh thái KNĐMST. Đã tổ chức trên 150 lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, thu hút hơn 16.000 lượt người tham gia (đạt 160% mục tiêu). Nội dung tập trung vào xây dựng dự án khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp, thương mại điện tử, chuyển đổi số, marketing và kỹ năng gọi vốn. Hoạt động đào tạo được triển khai đa dạng, linh hoạt, góp phần hình thành tư duy khởi nghiệp sáng tạo cho cán bộ quản lý, đoàn viên thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên, doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động truyền thông và kết nối mạng lưới khởi nghiệp được đẩy mạnh, góp phần lan tỏa tinh thần KNĐMST trong cộng đồng. Đã có hơn 30 dự án được hỗ trợ tài chính và tư vấn trực tiếp bởi các chuyên gia trong lĩnh vực marketing, quản trị tài chính. Đặc biệt đã hỗ trợ kết nối 01 dự án tham gia vòng Tuyển chọn Shark Tank Việt Nam mùa 7 Vòng ghi hình gọi vốn trên truyền hình và nhận 10 giờ tư vấn 1-1 với Mentor. Ngoài ra, các dự án còn tham gia chương trình gameshow "Hành trình OCOP", nhằm quảng bá sản phẩm khởi nghiệp, kết nối hợp tác xã với các chuỗi cung ứng nông sản lớn, siêu thị và các kênh phân phối trực tuyến, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm địa phương.

2.2.4. Doanh nghiệp KH&CN

Hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký thành lập 01 doanh nghiệp KH&CN; đến nay có tổng số 05 doanh nghiệp KH&CN đang hoạt động.

2.3. Sở hữu trí tuệ

2.3.1. Hoạt động sở hữu công nghiệp

Công tác xác lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ được tăng cường: Tập trung hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển tài sản trí tuệ; tập huấn về sở hữu trí tuệ (SHTT); tư vấn, hỗ trợ các tổ chức và cá nhân xác lập quyền và phát triển tài sản SHTT cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh[3]. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức về SHTT cho đội ngũ cán bộ quản lý và Nhân dân trên địa bàn. Từ 01/01/2021 đến hết tháng 6/2025, tỉnh Lạng Sơn đã có 427 đơn đăng ký được công bố và 280 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được Cục SHTT thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, gồm: 06 sản phẩm được bảo

[3] *Triển khai các hoạt động tập huấn về SHTT, nâng cao năng lực bảo hộ, khai thác và quản trị tài sản trí tuệ và hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.*

hộ chỉ dẫn địa lý[4]; 20 sản phẩm được bảo hộ về nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; 254 nhãn hiệu thông thường; 06 kiểu dáng công nghiệp.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn[5], bao gồm thực hiện xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với 29 sản phẩm của tỉnh, trong đó có 26 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể. Việc đăng ký bảo hộ quyền SHTT cho các sản phẩm đặc sản nêu trên đã góp phần phát huy danh tiếng, uy tín của sản phẩm, bảo hộ cho những người sản xuất, kinh doanh; bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng và góp phần thúc đẩy trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị hàng hóa của sản phẩm.

2.3.2. Hoạt động sáng kiến

Công tác sáng kiến trên địa bàn tỉnh đã được triển khai tích cực. Thành lập và tổ chức các Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh chấm đánh giá 198 hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh, tổ chức 09 Hội nghị phổ biến sáng kiến và hướng dẫn triển khai thúc đẩy hoạt động sáng kiến. Trong giai đoạn 2021 - 2025 có 85 sáng kiến cấp tỉnh được công nhận. Các sáng kiến đã góp phần thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến vào trong thực tế công tác.

2.3.3. Các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật

Tổ chức các cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Lạng Sơn hàng năm, qua đó nhằm khơi dậy tiềm năng và phát huy tư duy sáng tạo của thanh, thiếu niên, nhi đồng toàn tỉnh, giúp các em trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng sáng tạo. Trong giai đoạn 2021 - 2025 đã có 766 mô hình sản phẩm dự thi cấp tỉnh, trong đó có 122 mô hình sản phẩm đoạt giải cấp tỉnh, 02 mô hình sản phẩm đoạt giải cấp toàn quốc.

Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lạng Sơn lần thứ 7, 8 nhằm tiếp tục thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các sáng kiến vào trong thực tế công tác. Đã có 176 giải pháp tham dự cấp tỉnh trong đó có 34 giải pháp đạt giải cấp tỉnh, 03 giải khuyến khích cấp toàn quốc.

2.4. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TĐC)

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tiếp tục được tăng cường và triển khai đồng bộ; đến thời điểm hiện tại, đã thực hiện quản lý gần 372.000 phương tiện đo đang được sử dụng trong nhiều lĩnh vực quản lý, sản xuất, kinh doanh; gần 640 cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đã tập trung vào công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất

[4] 04 chỉ dẫn địa lý mới được bảo hộ, mở rộng phạm vi bảo hộ 02 chỉ dẫn địa lý.
[5] Phê duyệt kèm theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

lượng. Nâng cao chất lượng công tác quản lý hàng hoá nhập khẩu thuộc lĩnh vực quản lý ngành, qua đó đã góp phần hạn chế được hàng hóa kém chất lượng nhập khẩu. Tiếp nhận và xử lý 14.884[6] hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tất cả các hồ sơ đều được xử lý đúng và trước hạn.

Tiến hành 26 cuộc kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn, gồm 252 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính 07 cơ sở với tổng số tiền: 424.735.444 đồng.

Duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo ISO, hằng năm tham mưu cho UBND tỉnh công tác hướng dẫn, đôn đốc việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh[7].

Hoạt động khảo sát chất lượng đối với sản phẩm hàng hóa lưu thông trên địa bàn tỉnh: đã tiến hành 18 đợt khảo sát chất lượng đối với các mặt hàng thực phẩm, sản phẩm OCOP của tỉnh, xăng, nhiên liệu diezen, bánh trung thu, đồ chơi trẻ em, dầu nhờn động cơ đốt trong, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng,.... Tổng số mẫu đã lấy để thử nghiệm chất lượng: 130 mẫu. Kết quả: 111 mẫu đạt, 19 mẫu không phù hợp mức chất lượng đã công bố/quy định về an toàn thực phẩm/quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng kịp thời cảnh báo các cơ quan chức năng đối với các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp mức chất lượng. Thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý trên địa bàn tỉnh đối với sản phẩm hoa hồi.

Hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: thường xuyên tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, năm 2024 có 01 doanh nghiệp tham gia.

Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030": khảo sát nhu cầu đổi mới hoạt động đo lường tới hơn 100 tổ chức, doanh nghiệp trên địa tỉnh, định kỳ tổ chức tuyên truyền, khảo sát, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn về đo lường, hỗ trợ trang thiết bị phục vụ công tác đo lường và quản lý nhà nước[8].

---

[6] Trong đó: 5677 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp qua bộ phận một cửa Trung tâm phục vụ hành chính công; 582 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lạng Sơn; 8.625 hồ sơ tiếp nhận qua Cổng thông tin một cửa Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ). 100% hồ sơ được giải quyết đúng và trước thời hạn quy định.

[7] 244 cơ quan, đơn vị thực hiện áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

[8] Thực hiện khảo sát 40 tổ chức, doanh nghiệp; Tổ chức 06 Hội nghị tập huấn, với tổng số 513 đại biểu tham gia; Tổ chức 06 lớp đào tạo, với tổng số 55 lượt học viên tham gia và được cấp chứng chỉ phù hợp; Hỗ trợ cho trung tâm Khoa học và Công nghệ 01 thiết bị chuẩn kiểm định huyết áp kế điện tử; trang bị: 01 Bộ quả cân chuẩn E2 từ 1mg -500mg, 01 Bộ quả cân chuẩn E2 từ 1g -500g, 01 Bộ bình chuẩn kim loại hạng 2, 01 Cân điện tử hiện số chính xác cao để phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động kiểm định trên địa bàn.

Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: hỗ trợ 62 doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng suất và chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua việc nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng.

2.5. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ thực hiện quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân. Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ thực hiện các TTHC mức độ 4 trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử[9]. Công tác đào tạo, tập huấn tập trung vào thông tin, phổ biến kiến thức về ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cho lực lượng ứng phó sự cố cấp tỉnh, đào tạo kiến thức về an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ. Thực hiện nhiệm vụ: kiểm soát, cập nhật bản đồ phông phóng xạ và đánh giá an toàn bức xạ các điểm trọng yếu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Thực hiện đầu tư mua sắm mới các trang thiết bị để đưa vào hoạt động Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

2.6. Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số

Trên địa bàn tỉnh có khoảng 601 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ số. Các doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh hoạt động chủ yếu là kinh doanh phân phối các sản phẩm CNTT có sẵn trong nước và nước ngoài theo hình thức nhỏ lẻ. Chưa thu hút, phát triển được các công ty sản xuất phần cứng, thiết kế, gia công phần mềm và phát triển các sản phẩm nội dung số. Theo từng giai đoạn tỉnh đã ban hành đề án kêu gọi thu hút đầu tư trong và ngoài nước để đầu tư vào những dự án trọng điểm (hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng, nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực…)

2.7. Bưu chính, viễn thông, internet

Tình hình phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và CNTT tính đến 30/6/2025, toàn tỉnh có 313 điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ (tăng 45 điểm so với năm 2021), đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn có điểm cung cấp dịch vụ; bán kính phục vụ bình quân 2,91 km/điểm và 2.575 người/điểm. Mạng lưới khai thác, vận chuyển duy trì gần 100 tuyến thư nội tỉnh, tần suất 1-2 chuyến/ngày. Có 11 doanh nghiệp bưu chính được cấp văn bản xác nhận hoạt động (tăng từ 6 doanh nghiệp năm 2021). Doanh thu bưu chính năm 2025 ước đạt 210 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với năm 2021.

Hạ tầng viễn thông duy trì kết nối thông suốt 3 cấp; 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động, internet tốc độ cao. Hoàn thành nâng cấp Trung tâm

---

[9] Trong kỳ đã tiến hành thẩm định cấp 93 Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; 37 chứng chỉ nhân viên bức xạ.

tích hợp dữ liệu tỉnh; xem xét vị trí trạm BTS, hỗ trợ vùng lõm sóng; rà soát hiện trạng hạ tầng, danh sách hộ nghèo, cận nghèo phục vụ chương trình viễn thông công ích.

Duy trì mạng Truyền số liệu chuyên dùng tại các cơ quan Đảng, Nhà nước; triển khai hệ thống giám sát băng thông, kết nối, lưu lượng mạng.

100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện, xã có mạng LAN, kết nối internet; 100% cán bộ được trang bị máy tính và truy cập mạng.

Tổng số thuê bao di động đạt 929.878, trong đó có 846.791 thuê bao smartphone (chiếm 91,1%). Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt 80,6%. Phối hợp triển khai đo kiểm chất lượng internet, kết nối đài truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông; chỉ đạo tuyên truyền lộ trình tắt sóng 2G, thúc đẩy triển khai 5G trên địa bàn tỉnh.

2.8. Chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm được tỉnh Lạng Sơn triển khai đồng bộ, liên tục trong nhiều năm qua. Hằng năm, tỉnh bố trí ngân sách để duy trì, phát triển các ứng dụng CNTT và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống của các cơ quan Nhà nước.

Các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai thống nhất toàn tỉnh, góp phần thay đổi phương thức làm việc từ thủ công sang môi trường số, nâng cao hiệu quả điều hành, tiết kiệm chi phí, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

Hạ tầng công nghệ số được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị. Hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành được triển khai hiệu quả, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, tạo nền tảng tiến tới xây dựng chính quyền số.

Trong những năm gần đây, Lạng Sơn luôn nằm trong nhóm đứng đầu về ứng dụng CNTT, CĐS. Kết quả xếp hạng chỉ số CĐS - DTI năm 2021 của tỉnh xếp thứ 05/63 tỉnh, thành phố; năm 2022, xếp thứ 06/63 tỉnh, thành phố; năm 2023, xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố[10]. Lạng Sơn đã vinh dự được nhận giải thưởng Viet Solutions 2022 cho Bài toán chuyển đổi số xuất sắc cho địa phương với Nền tảng cửa khẩu số; Hội truyền thông số Việt Nam dưới sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông đã chấm điểm, bình chọn tỉnh Lạng Sơn đạt giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 03 năm liên tiếp (VietNam Digital Awards-VDA) đối với các giải pháp: Nền tảng cửa khẩu số của năm 2022; Nền tảng Trợ lý ảo giải pháp tự động trả lời về TTHC cho người và doanh nghiệp của năm 2023; Giải pháp Tổ Công nghệ số cộng đồng và Giải pháp chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn của năm 2024. Cùng với đó, Lạng Sơn được vinh danh là một trong 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu về mức độ lan tỏa ICT trong các ngành, hoạt động kinh tế khác. Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ

[10] UBND tỉnh đã gửi báo cáo và tài liệu kiểm chứng tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Bộ Khoa học và Công nghệ chưa công bố Chỉ số năm 2024 (gửi tài liệu trong thàng 4/2025); năm 2025 chưa triển khai xác định chỉ số.

thuật Việt Nam đã chấm điểm và bình chọn tỉnh Lạng Sơn đạt giải thưởng "Top Công nghiệp 4.0 Việt Nam 2024".

2.9. Kinh tế số, xã hội số

Phát triển kinh tế số, xã hội số tiếp tục được tỉnh quan tâm triển khai, đạt nhiều kết quả tích cực:

Giáo dục: 100% trường học trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả trường bán trú và nội trú, đã triển khai thanh toán học phí và phí dịch vụ giáo dục bằng hình thức không dùng tiền mặt.

Y tế: trên 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh từ xa qua nền tảng số; 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, phấn đấu đạt 75,15% tổng giá trị thanh toán qua phương thức không tiền mặt; 100% cơ sở khám chữa bệnh ứng dụng phần mềm HIS, thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, khám chữa bệnh bằng CCCD, VNeID, kê đơn thuốc điện tử, liên thông dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC như giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, giấy chứng tử.

Tài chính - ngân hàng: tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng đạt khoảng 76%; triển khai hiệu quả Quyết định 2345/QĐ-NHNN về bảo mật trong thanh toán trực tuyến, đẩy mạnh xác thực thông tin sinh trắc học cho khách hàng cá nhân.

Thương mại điện tử: chủ động phối hợp triển khai ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tham gia chuyển đổi số, tạo gian hàng và đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, thúc đẩy tiêu thụ nông sản đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

Cửa khẩu số: Nền tảng cửa khẩu số hoạt động ổn định, thực hiện đúng quy trình, giúp tăng cường quản lý, giám sát hoạt động xuất nhập khẩu. Tạo kênh thông tin kết nối đa chiều giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành, cải cách hành chính và minh bạch hóa hoạt động tại cửa khẩu.

2.10. Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KHCN,ĐMST&CĐS

Tỉnh thường xuyên, tăng cường thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, tiêu biểu như Quảng Tây (Trung Quốc), Nhật Bản, Hàn Quốc,... nhằm chia sẻ thông tin KHCN, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Tham gia các diễn đàn, hội nghị quốc tế về KHCN như: Diễn đàn Đổi mới sáng tạo Việt - Trung, Hội nghị Hợp tác KHCN khu vực biên giới phía Bắc.

Qua các chương trình hợp tác quốc tế về KHCN, từ năm 2021 đến nay, Bộ KH&CN đã phê duyệt 05 Đề tài/Dự án KHCN[11] có yếu tố hợp tác quốc tế

[11] Dự án: Xây dựng Chỉ dẫn địa lý Lạng Sơn cho quả Mác Mật; Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống và chăn nuôi ngựa bạch tại tỉnh Lạng Sơn; Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Chuối hoa phục vụ du lịch sinh thái tỉnh Lạng Sơn; Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá trắng (Coregonus lavaretus L.) tại tỉnh Lạng Sơn;

triển khai tại Lạng Sơn và cấp kinh phí một phần thông qua Chương trình KH&CN cấp quốc gia, trong đó, trung ương cấp 70% kinh phí, địa phương đối ứng phần còn lại với tổng kinh phí trên 2 tỷ đồng. Nhận được hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ: KOICA (Hàn Quốc) về hỗ trợ kỹ thuật và 1 phần kinh phí cho mô hình Hồi hữu cơ; JICA (Nhật Bản) về hỗ trợ chuyển giao công nghệ bảo quản Na; Viện nghiên cứu Trung Quốc (Quảng Tây): tài trợ chuyên gia và thiết bị chưng cất tinh dầu Hồi; Tổ chức TraceVerified và chuyên gia từ Đài Loan hỗ trợ xây dựng truy xuất nguồn gốc Na Chi Lăng....Các hỗ trợ này chủ yếu là phi hoàn lại, dưới dạng kỹ thuật, thiết bị, chuyển giao quy trình.

Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch triển khai một số dự án chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh, xử lý môi trường, y tế và giáo dục do các tổ chức nước ngoài tài trợ hoặc đồng tài trợ; thực hiện thí điểm mô hình ứng dụng công nghệ vi sinh và công nghệ số trong canh tác nông nghiệp ở huyện Tràng Định và Lộc Bình (hợp tác với tổ chức KOICA - Hàn Quốc); hợp tác với Đại học Nông Lâm Thái Nguyên và chuyên gia quốc tế để xây dựng một số mô hình chuỗi giá trị nông sản sạch cho xuất khẩu...

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các địa phương của Trung Quốc và các quốc gia, vùng lãnh thổ có tiềm lực, thế mạnh về KHCN, ĐMST&CĐS, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác, cửa khẩu thông minh; học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực KHCN, ĐMST &CĐS

3.1. Đánh giá tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy và hoạt động của các tổ chức KH&CN

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; tỉnh đã tiến hành hợp nhất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN trực thuộc Sở KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nay là Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn. Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn đang tự chủ tài chính 10,8% và đã xây dựng, trình phương án tự chủ tài chính của Trung tâm Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 là 11,15%).

Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ phát triển sản xuất Na bền vững tại Lạng Sơn và vùng phụ cận.

chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tỉnh đã thực hiện hợp nhất Sở KH&CN và Sở TT&TT thành Sở Khoa học và Công nghệ từ 01/3/2025. Tổ chức bộ máy của Sở KH&CN sau hợp nhất giảm 03 phòng chuyên môn và 01 tổ chức hành chính trực thuộc. Giảm vị trí lãnh đạo Sở, vị trí Lãnh đạo phòng chuyên môn (Giảm 04 Trưởng phòng và tương đương). Đội ngũ công chức, viên chức, người lao động được kiện toàn, sắp xếp hợp lý, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan trong thời kỳ mới.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực KHCN,ĐMST&CĐS

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ CĐS, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; triển khai Trợ lý ảo Công chức số Xứ Lạng, tập huấn sử dụng hệ thống VNPT-iOffice và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Phát động Phong trào "Bình dân học vụ số" phổ cập kiến thức và kỹ năng số cho người dân, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; tích hợp giáo dục kỹ năng số, STEM, AI trong nhà trường; tổ chức Cuộc thi STEM ROBOTICS, hướng đến mục tiêu mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 người thành thạo kỹ năng số.

Tiếp tục rà soát, đề xuất chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số; triển khai chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

3.3. Kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi được giao quản lý bao gồm: khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; phòng thí nghiệm trọng điểm; hạ tầng số; hạ tầng thông tin KH&CN; tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN

- Cải tạo, nâng cấp trụ sở, phòng thí nghiệm, nhà xưởng và tăng cường trang thiết bị kỹ thuật Trung tâm ứng dụng, phát triển KHCN và đo lường chất lượng sản phẩm

Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở Trung tâm ứng dụng, phát triển KHCN và đo lường chất lượng sản phẩm phục vụ tốt hơn công tác nghiên cứu, ứng dụng duy trì các công nghệ tiến tiến. Hệ thống phòng thử nghiệm của Trung tâm Ứng dụng, phát triển KHCN và đo lường chất lượng sản phẩm gồm: thử nghiệm hóa - vi sinh, thử nghiệm mũ bảo hiểm cho người đi mô tô - xe máy, thử nghiệm thiết bị điện, thử nghiệm vật liệu xây dựng được duy trì, bảo dưỡng và đánh giá lại, các phương tiện chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định đã phục vụ tích cực cho công tác kiểm định, hiệu chuẩn. Hệ thống nhà khí canh; nhà kính, nhà lưới được duy trì kết hợp với hệ thống điện, nước đảm bảo hoạt động.

- Đầu tư nâng cấp cải tạo trục liên thông tích hợp dữ liệu và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh

Tiếp tục quản lý và duy trì hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; các Trang Thông tin điện tử của các sở ngành, đơn vị, các xã; hệ thống thư điện tử công vụ được duy trì ổn định, thường xuyên nâng cấp, khắc phục kịp thời các hệ thống đảm bảo thông suốt phục vụ công tác quản lý. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) được duy trì hoạt động ổn định, Đến thời điểm hiện tại đã thực hiện kết nối thành công đến 44 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đảm bảo chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Xây dựng chính quyền điện tử, đẩy mạnh CĐS trên địa bàn tỉnh

+ Phát triển hạ tầng số

Hạ tầng kỹ thuật CNTT trong các cơ quan Nhà nước cơ bản đáp ứng yêu cầu, 100% các cơ quan, đơn vị có kết nối Internet tốc độ cao và hệ thống mạng LAN được xây dựng hoàn thiện. Các trang thiết bị phụ trợ như máy in, máy photo, máy quét, thiết bị mạng cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác; tỷ lệ số máy tính/cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị khối Sở, ban, ngành; cấp huyện; cấp xã, phường, thị trấn đạt 100%.

Mạng lưới viễn thông của tỉnh được duy trì kết nối thông suốt 3 cấp: 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động, internet tốc độ cao. Nâng cao chất lượng phủ sóng di động 4G, từng bước triển khai phủ sóng mạng di động 5G. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thúc đẩy chuyển dịch từ dịch vụ viễn thông cơ bản sang dịch vụ số.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Nền tảng điện toán đám mây Make-in-VietNam (Lạng Sơn Cloud), đưa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh quản lý tập trung thống nhất tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh lên Nền tảng điện toán đám mây Lạng Sơn Cloud.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) duy trì hoạt động ổn định kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Đến thời điểm hiện tại đã kết nối chính thức được 44 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trong đó có 24[12] hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành Trung ương và 20[13] hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh. Ngoài ra, Trục LGSP cũng đã

---

[12] Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước; Cổng liên thông TNMT-Thuế; Hệ thống quản lý giao thông vận tải; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode; Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Hệ thống định danh và xác thực điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (eSing); Cổng dịch vụ công quốc gia; Phần mềm dịch vụ công liên thông phục vụ triển khai 02 nhóm thủ tục Đề án 06.

[13] Hệ thống Thư điện tử công vụ; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; Hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Hệ thống cơ sở dữ liệu phổ cập giáo dục; Hệ thống cơ sở dữ liệu số hoá hồ sơ TTHC; Hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin; Hệ thống phòng chống mã độc tập trung; Hệ thống nền tảng Cửa khẩu số; Hệ thống Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý và khai thác dữ liệu lưu trữ điện tử; Cổng khai thác dữ liệu

thực hiện tích hợp, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo yêu cầu của các bộ, ngành trung ương[14].

Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, phiên bản 2.0[15] phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

+ Phát triển chính quyền số

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và ứng dụng dùng chung của tỉnh được triển khai và duy trì hoạt động ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) triển khai đồng bộ, thống nhất trên toàn tỉnh tới 100% cơ quan hành chính nhà nước ở cả 3 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã). 100% văn bản của các cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) đồng thời được ký số và gửi liên thông. Việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc.

Hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định và được triển khai đến 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; cấp mở rộng đến các đơn vị sự nghiệp, cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, số tài khoản thư điện tử đã cấp cho các cơ quan đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh là 37.179 tài khoản. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt trên 85%.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh hoạt động hiệu quả, đảm bảo thông tin liên lạc, chất lượng âm thanh, hình ảnh rõ nét, tổ chức các cuộc họp nhanh, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh được triển khai đồng bộ, thống nhất đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phục vụ nhu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân. Đến nay, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã triển khai, cung cấp được 1.426 DVCTT, trong đó có 559 DVCTT một phần và 867 DVCTT toàn trình; từ năm 2021 đến Quý I/2025, toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 2.558.801 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích 1.460.192 hồ sơ (chiếm 57,06%), tiếp nhận trực tuyến 1.098.609 hồ sơ

---

chuyển đổi số; Cổng thông tin dữ liệu đất đai; Cổng thông tin du lịch tỉnh; Hệ thống hỗ trợ thu thập, quản lý, khai thác CSDL ngành và Trung tâm điều hành giáo dục; Nền tảng Trợ lý ảo hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; Nền tảng Công dân số - Xứ Lạng; Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực; Nền tảng số Quản lý giá; Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Data Lake).

[14] Tích hợp hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; tích hợp CSDL Tài nguyên nước và Khoáng sản (STNMT); kết nối HTTT/CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo; tích hợp các API từ hệ thống chuyên ngành của Sở GDĐT; kết nối liên thông CSDL đất đai của tỉnh với CSDL đất đai quốc gia; kết nối CSDL Bộ Giao thông vận tải; kết nối CSDL đăng kiểm phương tiện với Nền tảng Cửa khẩu số; kết nối liên thông hệ thống Hộ tịch của Bộ Tư pháp (đối với các thủ tục về kết hôn, khai sinh, khai tử).

[15] Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số.

(đạt 42,94%); riêng năm 2024 và quý I/2025 tiếp nhận và giải quyết 496.785 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ Bưu chính công ích 79.346 hồ sơ (chiếm 15,97%), tiếp nhận trực tuyến 417.439 hồ sơ (đạt 84,03%)

Kho dữ liệu số hóa TTHC của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh phục vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa và khai thác lại dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC. Việc số hóa hồ sơ TTHC được các cơ quan, đơn vị quan tâm, thực hiện, đến thời điểm hiện tại, tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị đã thực hiện số hoá lên Kho dữ liệu số hoá của tỉnh, đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh đã số hóa được 1.217.463 hồ sơ, trong đó cấp tỉnh 298.406 hồ sơ, cấp huyện và cấp xã 919.057 hồ sơ.

Chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, đến nay toàn tỉnh đã cấp được 30.663 chứng thư số, chữ ký số cho tổ chức và cá nhân, trong đó: 1.529 chứng thư số cho tổ chức, 28.319 chữ ký số cho cá nhân, 818 Sim ký số, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mạng trong gửi, nhận thông điệp điện tử, văn bản điện tử và chứng thực điện tử.

Nền tảng Công dân số Xứ Lạng, Trợ lý ảo (Chatbot) hỗ trợ, hướng dẫn tra cứu, thực hiện giải quyết TTHC/DVCTT tiếp tục được duy trì, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trợ lý ảo Công chức số Xứ Lạng được triển khai thí điểm trên địa bàn tỉnh, bước đầu đạt được những kết quả tích cực, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo, công chức các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đầu tư Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn

Ngày 25/11/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2302/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật, xã Quảng Lạc, thành phố Lạng Sơn, theo đó Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn làm chủ đầu tư dự án.

Hiện nay, dự án đã được điều chỉnh sang giai đoạn sau theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Lạng Sơn.

- Đầu tư trang thiết bị xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Hiện nay chưa đầu tư trang thiết bị xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Trung tâm Mã số Mã vạch quốc gia thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện dự án: "Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn": hỗ trợ 15 doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia dự án được xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn;

thiết lập tài khoản, quy trình truy xuất nguồn gốc, biểu mẫu truy xuất nguồn gốc và quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc hệ thống truy xuất nguồn gốc NBC-TRACE; hoàn thiện thông tin truy xuất nguồn gốc và xây dựng sổ tay hướng dẫn sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Thực hiện hướng dẫn hỗ trợ hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa trên địa bản tỉnh theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025.

3.4. Báo cáo việc sử dụng kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên năm 2025 cho các hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; đề xuất với Bộ KH&CN và các cơ quan liên quan về giải pháp xử lý các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; giải pháp điều chỉnh hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia, đồng thời trong các kế hoạch, quy hoạch giai đoạn tới của tỉnh không có quy hoạch định hướng phát triển Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia. Do đó, tỉnh Lạng Sơn không đề xuất định hướng phát triển Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia trong giai đoạn tới.

4. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển (ĐTPT) lĩnh vực KH, CN,m ĐMST&CĐS năm 2025.

Nhìn chung trong thời gian qua, cơ sở, hạ tầng KHCN và CĐS đã được trang bị, tuy nhiên chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN.

Tổ chức KH&CN được đầu tư một phần kinh phí từ ngân sách Nhà nước để duy trì, sửa chữa và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật. Tuy nhiên, hệ thống trang thiết bị chưa được đầu tư đồng bộ, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn.

Kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT còn hạn chế dẫn đến khó khăn trong việc nâng cấp, thay thế các thiết bị CNTT phục vụ công tác chuyên môn; nguồn nhân lực chất lượng cao về KHCN, ĐMST &CĐS ở các cơ quan, đơn vị còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, thiếu cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa còn thiếu, chưa đồng bộ, đặc biệt tại cấp xã.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KHCN, ĐMST&CĐS

1. Chi đầu tư phát triển

a) Dự án: Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổng mức đầu tư: 200.200 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn đã được bố trí đến năm 2025: 195.662 triệu đồng.

- Vốn đã thực hiện giải ngân đến hết 30/6/2025: 155.673,2 triệu đồng.

Hiện nay đơn vị đang thực hiện các thủ tục để trình Sở Tài chính thẩm tra quyết toán dự án. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sẽ thực hiện giải ngân 5% còn lại của các gói thầu (dự kiến giải ngân trong Quý III/2025). Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán dự án: 163.871,1 triệu đồng.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

b) Dự án Cải tạo, nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Lạng Sơn, thời gian thực hiện năm 2021 - 2023.

- Tổng mức đầu tư: 8.624 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn đã được bố trí đến năm 2025: 8.624 triệu đồng.

- Vốn đã thực hiện giải ngân đến hết 30/6/2025: 7.976,478 triệu đồng.

Dự án "Cải tạo, nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Lạng Sơn" đã hoàn thành, đưa vào sử dụng từ ngày 29/10/2024. Đơn vị đã trình Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án. Số kinh phí sau thẩm tra: 7.991.147.000 đồng. Sau khi được UBND tỉnh phê quyệt quyết toán dự án hoàn thành, đơn vị sẽ thực hiện giải ngân số kinh phí còn lại.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

c) Dự án thuộc Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

** Dự án: Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự, thời gian thực hiện năm 2023 - 2025.*

- Tổng mức đầu tư: 10.626 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn đã được bố trí đến năm 2025: 10.626 triệu đồng.

- Vốn đã thực hiện giải ngân đến hết 30/6/2025: 9.566,7 triệu đồng.

Đến thời điểm hiện tại Dự án "Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự" đã hoàn thành và thực hiện bàn giao các thiết bị thuộc dự án tại 120/124 điểm thuộc UBND các xã trong tháng 12/2024 (giảm 04 điểm do không thực hiện tại 04 xã do sắp xếp đơn vị hành chính). Đơn vị đang thực hiện các thủ tục để trình Sở Tài chính thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Tổng số kinh phí đề nghị quyết toán dự án: 9.566,7 triệu đồng.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

** Dự án: Đầu tư xây dựng mới phòng họp trực tuyến Ban Dân tộc, thời gian thực hiện năm 2024 - 2025.*

- Tổng mức đầu tư: 2.660,0 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn đã được bố trí đến năm 2025: 2.655 triệu đồng

- Vốn đã thực hiện giải ngân: 0 đồng

Sở Khoa học và Công nghệ (trước đây là Sở Thông tin và Truyền thông) đã tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết Hợp đồng triển khai với Nhà thầu ngày 25/02/2025 và nhận được Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu (*Thời gian thực hiện Hợp đồng 90 ngày kể từ ngày khởi công*). Do thay đổi địa điểm và quy mô theo Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn. Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Công văn số 815/SKHCN-CĐS ngày 19/4/2025 về việc đề xuất chủ trương điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Đầu tư xây dựng mới phòng họp trực tuyến Ban Dân tộc; Báo cáo số 927/BC-SKHCN ngày 29/4/2025 đề xuất điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đầu tư xây dựng mới phòng họp trực tuyến Ban Dân tộc và được UBND tỉnh đồng ý chủ trương điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng mới Phòng họp trực tuyến Ban Dân tộc tại Công văn số 873/UBND-KTCN ngày 10/5/2025. Sở KH&CN đang tiếp tục triển khai thực hiện các bước theo quy định.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

d) Dự án: Đầu tư trang thiết bị Trạm Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường, thời gian thực hiện năm 2022 - 2025.

- Tổng vốn thực hiện dự án: 14.118,065 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn đã được bố trí đến năm 2025: 14.119 triệu đồng (8.500 triệu đồng là nguồn vốn không bao gồm nguồn đất; 5.619 triệu đồng kế hoạch vốn giao năm 2024, là nguồn vốn thu sử dụng đất không có nguồn nhập tabmis).

- Vốn đã thực hiện giải ngân (đến ngày 30/6/2025): 3.875,4 triệu đồng.

Ngày 02/12/2024, Sở KH&CN ban hành Quyết định số 165/QĐ-SKHCN phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm quan trắc và cảnh báo môi trường phóng xạ tỉnh Lạng Sơn. Ngày 04/12/2024 ký hợp đồng gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm quan trắc và cảnh báo môi trường phóng xạ tỉnh Lạng Sơn với nhà thầu trúng thầu là Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ kỹ thuật Việt Nam. Dự kiến nhà thầu thực hiện bàn giao thiết bị vào trong tháng 8/2025.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

Các dự án được triển khai cơ bản đúng tiến độ, bảo đảm quy trình, giải ngân đạt tỷ lệ cao. Các dự án có tính ứng dụng thực tiễn, phục vụ tốt nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

2. Chi thường xuyên

Kinh phí chi thường xuyên năm 2025: 52.111 triệu đồng, trong đó:

- Chi nhiệm vụ KH&CN: 11.520 triệu đồng.

- Chi Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy: 13.291 triệu đồng.

- Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước: 2.985 triệu đồng

- Chi các đơn vị sự nghiệp: 9.170 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: 14.697 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp đào tạo: 118 triệu đồng.

- Chi hoạt động KH&CN cấp xã: 330 triệu đồng.

Tỉnh đã chủ động trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của ngành, các phòng, các đơn vị, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp và các khoản chi khác theo dự toán được giao… đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thường xuyên chỉ đạo điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác tài chính ngân sách đối với các đơn vị dự toán thuộc ngành quản lý. Thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC; ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về lĩnh vực quản lý công nghệ

- *Khó khăn, vướng mắc:* chưa có quy định cụ thể mức chi cho việc tổ chức Hội đồng tư vấn KH&CN, lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trong trường hợp cần tham vấn chuyên môn. Do đó gây khó khăn cho địa phương khi lập dự toán chi hoặc khi cần tham vấn, dẫn tới lúng túng, chậm tiến độ xử lý hồ sơ, ảnh hưởng hiệu quả công tác quản lý công nghệ tại địa phương.

- *Đề xuất kiến nghị:* đề nghị Bộ KH&CN, Bộ Tài chính xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới 01 văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư), tập trung vào các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý công nghệ.

2. Về lĩnh vực SHTT

- *Khó khăn, vướng mắc:* thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền 02 cấp đặt ra nhiều khó khăn như: làm gián đoạn tạm thời tiến trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN do thay đổi cơ quan chủ trì, thay đổi tên pháp nhân, ảnh hưởng đến việc ký kết, thanh quyết toán, cập nhật thông tin trên hệ thống quản lý KH&CN; ảnh hưởng đến công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành và phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại cơ sở; khó khăn vướng mắc trong hoạt động bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ liên quan đến các dấu hiệu chứa địa danh.

- *Đề xuất, kiến nghị:* đề nghị Cục SHTT sớm có hướng dẫn để địa phương thực hiện thủ tục sửa đổi văn bằng bảo hộ trong trường hợp tổ chức quản lý, chủ sở hữu văn bằng đã giải thể, không còn hoạt động, đặc biệt đối với nhãn hiệu tập thể.

3. Về lĩnh vực đo lường

- *Khó khăn, vướng mắc***:** một số nội dung trong Luật Đo lường (2011) và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện không còn phù hợp với thực tiễn phát triển nhanh của công nghệ đo lường hiện đại và yêu cầu của CĐS; quy định về phương tiện đo nhóm 2 còn chồng chéo, thiếu rõ ràng về trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý ngành, địa phương và tổ chức kiểm định. Đầu tư cơ sở - hạ tầng kỹ thuật và trình độ công nghệ còn bất cập như: phòng kiểm định, chuẩn đo lường gốc và thiết bị của các địa phương còn thiếu đồng bộ; việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kiểm soát đo lường từ trung ương còn chậm (ví dụ: cơ sở dữ liệu quản lý phương tiện đo, danh sách đơn vị được công nhận khả năng kiểm định,...).

- *Đề xuất, kiến nghị:* rà soát, sửa đổi Luật Đo lường và các nghị định, thông tư hướng dẫn để phù hợp với bối cảnh mới của CĐS, đặc biệt là quản lý phương tiện đo nhóm 2; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về phương tiện đo và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đo lường; triển khai nền tảng số phục vụ tra cứu, kiểm tra, đánh giá, giám sát và báo cáo hoạt động đo lường theo thời gian thực tế.

4. Lĩnh vực CĐS

Hạ tầng trang thiết bị CNTT phục vụ hệ thống chính quyền điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được đầu tư giai đoạn trước đến nay về cơ bản đã cũ, một số máy tính, trang thiết bị cấu hình thấp, không còn phù hợp yêu cầu công nghệ mới đòi hỏi phải triển khai phương án thay thế đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Toàn tỉnh còn có 24 thôn trắng sóng.

Kinh tế số trên địa bàn tỉnh chưa thực sự sôi động; nguồn nhân lực phụ trách hoạt động CĐS tại một số cơ quan cấp xã còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu; kỹ năng số của người dân, nhất là người dân sinh sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng; việc kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương chưa thực sự đảm bảo.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHCN, ĐMST&CĐS NĂM 2026

I. KẾ HOẠCH KINH PHÍ VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026

Kế hoạch kinh phí và dự toán ngân sách năm 2026: 253.020 triệu đồng, trong đó:

1. Kinh phí chi đầu tư phát triển: 60.000 triệu đồng

2. Kinh phí chi thường xuyên: 193.020 triệu đồng, trong đó:

- Chi nhiệm vụ KH&CN: 45.000 triệu đồng.

- Chi Chi hỗ trợ lương + hoạt động bộ máy: 16.700 triệu đồng.

- Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước: 3.940 triệu đồng

- Chi các đơn vị sự nghiệp: 11.370 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: 28.260 triệu đồng.

- Chi hoạt động KH&CN cấp xã: 3.250 triệu đồng.

- Chi nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW: 84.500 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo).

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KH, CN, ĐMST&CĐS NĂM 2026

2.1. Hoạt động KHCN

2.1.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Tiếp tục chỉ đạo triển khai và nhân rộng kết quả các đề tài, dự án KH&CN đã nghiệm thu vào thực tiễn sản xuất, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm sau:

Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: nghiên cứu, ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao phù hợp với điều kiện địa phương (hồng, quýt, dẻ, mắc ca, gà, lợn…); áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ; thúc đẩy số hóa, tự động hóa sản xuất, truy xuất nguồn gốc, liên kết chuỗi giá trị, phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ: ưu tiên đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến nông sản (thạch đen, chanh rừng, ớt…); phát triển công nghiệp cơ khí, điện tử, vật liệu xây dựng; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng năng lượng tái tạo, công nghệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: nghiên cứu lý luận, thực tiễn phục vụ hoạch định chính sách; đề xuất giải pháp phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh; phát triển du lịch đặc trưng (lễ hội, sinh thái, biên giới...); đẩy mạnh dịch vụ hiện đại, kinh tế số; nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng giáo dục, khuyến khích sáng tạo trong nhà trường.

Lĩnh vực y dược: ứng dụng công nghệ hiện đại kết hợp y học cổ truyền nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; nghiên cứu, bảo tồn và phát triển cây dược liệu và sản phẩm dược liệu phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2.1.2. Hoạt động quản lý công nghệ

Tiếp tục thực hiện công tác có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư, quy hoạch theo quy định. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định về công nghệ nhằm ngăn ngừa công nghệ lạc hậu, công nghệ có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, sức khỏe con người. Tham gia ý kiến góp ý các đồ án quy hoạch, chủ trương đầu tư, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, báo cáo nghiên cứu khả thi..., góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo hướng bền vững.

Tổ chức thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035.

Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Lạng Sơn, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ và khai thác hiệu quả công nghệ từ nước ngoài vào tỉnh Lạng Sơn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển và ứng dụng KHCN vũ trụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 và Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

2.2. Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Công tác phát triển doanh nghiệp KH&CN: tăng cường tập huấn đào tạo nâng cao nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ trong công tác chuyển giao công nghệ. Hướng dẫn, hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, phát triển doanh nghiệp KH&CN. Xây dựng các chương trình tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Công tác phát triển thị trường KH&CN: thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường KHCN và hệ sinh thái KNĐMST; hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất, kinh doanh. Tăng cường các hoạt động tiếp cận các thị trường KHCN trong và ngoài nước, thúc đẩy hình thành thị trường KHCN trong tỉnh với thị trường hàng hoá, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn.

Hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST: triển khai các hoạt động cụ thể nhằm phát triển hệ sinh thái ĐMST, hỗ trợ doanh nghiệp KNĐMST trên địa bàn tỉnh, phù hợp định hướng phát triển KHCN, ĐMST theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 145/KH-UBND và các quy định hiện hành. Song song với đó, tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo, ban hành các chính sách hỗ trợ KNĐMST, xây dựng bộ đề xuất chính sách hoàn thiện, làm căn cứ tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thống nhất trên địa bàn.

2.3. Sở hữu trí tuệ

Tiếp tục triển khai Chiến lược SHTT và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tại tỉnh; phê duyệt kế hoạch triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hỗ trợ các chủ thể triển khai, quản lý tài sản trí tuệ phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về SHTT nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, hình thành văn hoá SHTT trong xã hội.

Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho các sản phẩm, kết quả nghiên cứu KHCN, ĐMST&CĐS; tư vấn hỗ trợ các cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân đăng ký bảo hộ, bảo vệ quyền SHTT; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP.

Từng bước triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá hoạt động thương mại hoá sáng chế và đánh giá mức độ đóng góp của các tài sản trí tuệ đã được thương

mại hoá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng dẫn của Cục SHTT, Bộ KH&CN.

Phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật: tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiến thức cơ bản về nội dung hoạt động sáng kiến cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương, thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua sáng tạo và phát huy sáng kiến; phổ biến, nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến được tạo ra. Tiếp tục tổ chức triển khai các cuộc thi sáng tạo tỉnh Lạng Sơn, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng nhằm thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, khơi dậy tiềm năng và phát huy tư duy sáng tạo của thanh, thiếu niên, nhi đồng toàn tỉnh.

2.4. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ 02 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong quá trình áp dụng tại địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Chính phủ về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương đảm bảo triển khai có hiệu quả.

Tăng cường hoạt động kiểm tra về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn. Tăng cường hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất và lưu thông trên thị trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm hoa Hồi đã được bảo hộ SHTT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Tham mưu triển khai hoạt động truy suất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định; triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với tỉnh Lạng Sơn.

Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu. Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định; Tư vấn, hướng dẫn xây dựng TCCS, đăng ký MSMV cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

2.5. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ theo quy định. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc địa bàn quản lý và xử lý đối với các vi phạm theo thẩm quyền. Quản lý và

thực hiện việc tiếp nhận khai báo, thẩm định an toàn, cấp giấy phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Quản lý các hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn các biện pháp quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh khi phát hiện nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân nằm ngoài sự kiểm soát.

2.6. Chuyển đổi số và Bưu chính viễn thông (*Gồm: Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số; Bưu chính, viễn thông, internet; Chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử, Chính phủ số; Kinh tế số, xã hội số;)*

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung công tác CĐS đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ đề ra tại các Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, tập trung chỉ đạo rà soát, xác định rõ những ưu điểm, hạn chế trong công tác CĐS; đề ra các biện pháp cụ thể khắc phục hạn chế để công tác CĐS phải thực sự đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, phấn đấu phủ sóng thêm các điểm lõm sóng di động, phủ sóng thêm các địa bàn chưa có băng rộng cố định; tiếp tục triển khai Quyết định số 816/QĐ-BTTTT ngày 18/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông Việt Nam giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh; triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người sử dụng internet, nâng cao tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh. Tăng cường thực hiện việc tái sử dụng hồ sơ TTHC đã được số hóa, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Triển khai Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; triển khai Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2.7. Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS.

Tập trung đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH,CN,ĐMST&CĐS, nhằm huy động nguồn lực, thu hút tri thức, công nghệ tiên tiến và chuyên gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tham gia hợp tác quốc tế, ký kết và triển khai các văn bản hợp tác về nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các đối tác nước ngoài. Tăng cường kết nối với các tổ chức quốc tế, đại sứ quán, hiệp hội doanh

nghiệp nước ngoài tại Việt Nam để xúc tiến hợp tác, thu hút đầu tư công nghệ cao và kêu gọi viện trợ ODA, NGO trong các lĩnh vực ưu tiên như chuyển đổi số, giáo dục - y tế thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tham gia các chương trình nghiên cứu hợp tác song phương, đa phương với các viện, trường, doanh nghiệp mạnh của nước ngoài, đồng thời triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số, KNĐMST, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp trẻ, hợp tác xã. Tập trung phát triển các lĩnh vực hợp tác tiềm năng như nông nghiệp chính xác, truy xuất nguồn gốc, du lịch thông minh, thương mại điện tử biên mậu, logistics công nghệ cao; chủ động giới thiệu tiềm năng, thế mạnh KH&CN, ĐMST, CĐS của tỉnh tại các diễn đàn, hội nghị quốc tế. Hoàn thiện Chiến lược hợp tác quốc tế về KH&CN của tỉnh giai đoạn 2025–2030, gắn với phát triển kinh tế biên mậu, nông nghiệp thông minh và chuyển đổi số; tăng cường kết nối với các tổ chức quốc tế, mạng lưới nghiên cứu khu vực, đồng thời thu hút các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế tham gia các hoạt động KH&CN, ĐMST, CĐS tại địa phương.

UBND tỉnh trân trọng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: KHCN, TC;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng: KGVX, TH, KTTH, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên